

Số: 145/2020/TT-BCA

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2020

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ...C.....
	Ngày: 08/10/1.12021.

THÔNG TƯ

**Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục,
biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm
của người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí**

Căn cứ Luật Tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo;

Căn cứ Nghị định số 22/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Công an;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người tố cáo về hành vi tham nhũng quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng và hành vi vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí quy định tại Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sau đây viết tắt là người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Những người được bảo vệ quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này.
2. Người giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí.
3. Cơ quan Công an các cấp; cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của những người được bảo vệ theo khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

Điều 3. Những người được bảo vệ, phạm vi, nội dung bảo vệ và căn cứ áp dụng biện pháp bảo vệ

1. Những người được bảo vệ gồm: Người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí; vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí (sau đây gọi chung là người được bảo vệ). Người được bảo vệ đang sinh sống, làm việc, học tập tại nước ngoài không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

2. Phạm vi, nội dung bảo vệ người được bảo vệ, gồm: Bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm. Tài sản được bảo vệ là tài sản thuộc quyền sở hữu của người được bảo vệ. Tài sản của người được bảo vệ tại nước ngoài không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

3. Căn cứ áp dụng biện pháp bảo vệ: Khi có căn cứ về việc tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người quy định tại khoản 1 Điều này đang bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại ngay tức khắc do việc tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của người được bảo vệ

Quyền và nghĩa vụ của người được bảo vệ thực hiện theo quy định tại Điều 48 Luật Tố cáo. Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo, cơ quan Công an có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ không chịu trách nhiệm về hậu quả xảy ra đối với tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ trong trường hợp người được bảo vệ tự đề nghị chấm dứt, từ chối áp dụng biện pháp bảo vệ hoặc không chấp hành các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật Tố cáo.

Điều 5. Trách nhiệm thực hiện việc bảo vệ người được bảo vệ

1. Cơ quan Công an các cấp nơi người được bảo vệ có địa chỉ nơi ở hoặc nơi có tài sản, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ; quyết định huy động, sử dụng lực lượng, phương tiện, công cụ, biện pháp và các nội dung đề nghị, yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan phối hợp thực hiện việc bảo vệ. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp theo đề nghị, yêu cầu của cơ quan Công an các cấp.

2. Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo khi nhận được đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí và xét thấy đề nghị bảo vệ là có căn cứ, có tính xác thực hoặc trong quá trình giải quyết tố cáo, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo thấy có căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này, thì kịp thời đề nghị, yêu cầu cơ quan Công an cấp có thẩm quyền áp dụng biện pháp

bảo vệ, thực hiện như sau:

a) Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo quy định tại các khoản 6, 7, 8 Điều 13; khoản 4 Điều 14; khoản 4 Điều 15; Điều 16; khoản 1, 3 Điều 17 và Điều 20 Luật Tố cáo kịp thời đề nghị, yêu cầu áp dụng biện pháp bảo vệ đến Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Giám đốc Công an cấp tỉnh) có liên quan, đồng thời gửi Bộ trưởng Bộ Công an để chỉ đạo. Khi nhận được đề nghị, yêu cầu bảo vệ, Giám đốc Công an cấp tỉnh xem xét, quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ hoặc chỉ đạo Công an các đơn vị trực thuộc có liên quan ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ;

b) Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều 13; khoản 2, 3 Điều 14; khoản 2, 3 Điều 15; khoản 2 Điều 17 và Điều 18, Điều 19 Luật Tố cáo kịp thời đề nghị, yêu cầu áp dụng biện pháp bảo vệ đến Giám đốc Công an cấp tỉnh. Khi nhận được đề nghị, yêu cầu bảo vệ, Giám đốc Công an cấp tỉnh xem xét, quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ hoặc chỉ đạo Công an các đơn vị trực thuộc có liên quan ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ;

c) Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo quy định tại các khoản 2 Điều 13; khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 15 và Điều 21 Luật Tố cáo kịp thời đề nghị, yêu cầu áp dụng biện pháp bảo vệ đến Trưởng Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Trưởng Công an cấp huyện). Khi nhận được đề nghị, yêu cầu bảo vệ, Trưởng Công an cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ hoặc chỉ đạo Trưởng Công an phường, Trưởng đồn, Trưởng trạm Công an, Trưởng Công an thị trấn, Trưởng Công an xã thuộc biên chế của lực lượng Công an nhân dân (gọi chung là Trưởng Công an cấp xã) có liên quan quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ;

d) Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Tố cáo kịp thời đề nghị, yêu cầu áp dụng biện pháp bảo vệ đến Trưởng Công an cấp xã. Khi nhận được đề nghị, yêu cầu bảo vệ, Trưởng Công an cấp xã xem xét, quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ;

đ) Trường hợp khẩn cấp có căn cứ xác định tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ có thể bị xâm hại ngay tức khắc sau khi thực hiện việc tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí; người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có trách nhiệm thực hiện ngay việc đề nghị, yêu cầu cơ quan Công an nơi gần nhất hoặc cơ quan Công an nơi có thể xảy ra hành vi xâm hại tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ áp dụng biện pháp bảo vệ cần thiết;

e) Trường hợp người được bảo vệ là phạm nhân tại trại giam; trại viên tại cơ sở giáo dục bắt buộc; học sinh tại trường giáo dưỡng: Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo kịp thời đề nghị, yêu cầu áp dụng biện pháp bảo vệ đến Giám thị

trại giam, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng.

3. Khi nhận được đề nghị, yêu cầu của người có thẩm quyền giải quyết tố cáo, văn bản đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ của người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí hoặc văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền; xét thấy đề nghị, yêu cầu là có căn cứ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, yêu cầu Thủ trưởng Công an các cấp có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ; chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ. Trường hợp vụ việc có tính chất phức tạp, phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ có thể kéo dài hơn nhưng không quá 05 ngày làm việc.

Trường hợp không thuộc thẩm quyền thì Thủ trưởng Công an các cấp có trách nhiệm chuyển ngay đến cơ quan Công an có thẩm quyền xử lý theo quy định và thông báo bằng văn bản cho người có thẩm quyền giải quyết tố cáo, người tố cáo hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền biết việc chuyển đề nghị, yêu cầu.

4. Trường hợp đề nghị, yêu cầu của người có thẩm quyền giải quyết tố cáo và người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí không có căn cứ hoặc xét thấy không cần thiết áp dụng biện pháp bảo vệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Thủ trưởng Công an các cấp có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền, người tố cáo hoặc gửi văn bản thông báo cho người giải quyết tố cáo biết để giải thích rõ lý do cho người tố cáo.

Điều 6. Văn bản yêu cầu, đề nghị quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ

1. Văn bản đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ của người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Luật Tố cáo.

2. Văn bản yêu cầu, đề nghị của người có thẩm quyền giải quyết tố cáo gửi cơ quan Công an các cấp có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm ra văn bản đề nghị, yêu cầu;
- b) Tên cơ quan Công an có thẩm quyền được đề nghị, yêu cầu quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ;
- c) Họ tên, chức vụ, cơ quan, đơn vị của người có thẩm quyền giải quyết tố cáo;
- d) Căn cứ, lý do đề nghị, yêu cầu áp dụng biện pháp bảo vệ;
- đ) Ngày, tháng, năm ra quyết định thụ lý tố cáo; thời hạn giải quyết tố cáo;
- e) Họ tên, địa chỉ, số điện thoại của người được bảo vệ; những nội dung đề nghị, yêu cầu bảo vệ.

3. Khi gửi văn bản đề nghị, yêu cầu, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo phải gửi kèm quyết định thụ lý tố cáo, văn bản đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ của người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Luật Tố cáo (bản chính) và các tài liệu khác có liên quan đến việc áp dụng biện pháp bảo vệ (nếu có).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ của người có thẩm quyền giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân

1. Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 22/2019/NĐ-CP ngày 25/02/2019 của Chính phủ quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân khi nhận được văn bản đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí và xét thấy đề nghị bảo vệ là có căn cứ, có tính xác thực hoặc trong quá trình giải quyết tố cáo thấy có căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này thì kịp thời quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ đối với người được bảo vệ có địa chỉ nơi ở hoặc nơi có tài sản trong phạm vi địa bàn thuộc thẩm quyền.

Trường hợp người được bảo vệ có địa chỉ nơi ở hoặc nơi có tài sản ngoài địa bàn thuộc thẩm quyền thì người có thẩm quyền giải quyết tố cáo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 22/2019/NĐ-CP báo cáo Trưởng Công an cấp huyện để xử lý theo thẩm quyền.

2. Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 22/2019/NĐ-CP khi nhận được văn bản đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí và xét thấy đề nghị bảo vệ là có căn cứ, có tính xác thực hoặc trong quá trình giải quyết tố cáo thấy có căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này thì kịp thời quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ đối với người được bảo vệ có địa chỉ nơi ở hoặc nơi có tài sản trong phạm vi địa bàn thuộc thẩm quyền hoặc chỉ đạo Trưởng Công an cấp xã có liên quan quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ (trừ trường hợp người bị tố cáo là Trưởng Công an cấp xã).

Trường hợp người được bảo vệ có địa chỉ nơi ở hoặc nơi có tài sản ngoài địa bàn thuộc thẩm quyền thì người có thẩm quyền giải quyết tố cáo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 22/2019/NĐ-CP đề nghị Trưởng Công an cấp huyện có liên quan quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ, đồng thời báo cáo Giám đốc Công an cấp tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

3. Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 22/2019/NĐ-CP khi nhận được văn bản đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí và xét thấy đề nghị bảo vệ là có căn cứ, có tính xác thực hoặc trong quá trình giải quyết tố cáo, người có thẩm quyền giải quyết tố

cáo thấy có căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này thì kịp thời đề nghị Trưởng Công an cấp huyện có liên quan quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ.

Trường hợp người được bảo vệ là phạm nhân tại trại giam, trại viên tại cơ sở giáo dục bắt buộc, học sinh tại trường giáo dưỡng: Khi nhận được văn bản đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí và xét thấy đề nghị bảo vệ là có căn cứ, có tính xác thực hoặc trong quá trình giải quyết tố cáo thấy có căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này thì Giám thị trại giam, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng kịp thời quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ.

4. Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 22/2019/NĐ-CP khi nhận được văn bản đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí và xét thấy đề nghị bảo vệ là có căn cứ, có tính xác thực hoặc trong quá trình giải quyết tố cáo thấy có căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này thì kịp thời quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ đối với người được bảo vệ có địa chỉ nơi ở hoặc nơi có tài sản trong phạm vi địa bàn thuộc thẩm quyền hoặc chỉ đạo Trưởng Công an cấp huyện có liên quan quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ. Thanh tra Công an cấp tỉnh có trách nhiệm tham mưu với Giám đốc Công an tỉnh để chỉ đạo một đồng chí Phó trưởng Công an cấp huyện hoặc đơn vị, cá nhân khác có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ trong trường hợp người bị tố cáo là Trưởng Công an cấp huyện.

Trường hợp người được bảo vệ có địa chỉ nơi ở hoặc nơi có tài sản ngoài địa bàn thuộc thẩm quyền thì người có thẩm quyền giải quyết tố cáo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 22/2019/NĐ-CP đề nghị Giám đốc Công an cấp tỉnh có liên quan quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ.

5. Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 5 Nghị định số 22/2019/NĐ-CP khi nhận được văn bản đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí và xét thấy đề nghị bảo vệ là có căn cứ, có tính xác thực hoặc trong quá trình giải quyết tố cáo, người giải quyết tố cáo thấy có căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này thì kịp thời đề nghị Giám đốc Công an cấp tỉnh có liên quan quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ.

Trường hợp người được bảo vệ là cán bộ, chiến sĩ, phạm nhân tại trại giam, cán bộ, chiến sĩ, trại viên tại cơ sở giáo dục bắt buộc, cán bộ, chiến sĩ, học sinh tại trường giáo dưỡng và người bị tố cáo là Giám thị, Phó Giám thị trại giam, Giám đốc, Phó Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường giáo dưỡng: Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng khi nhận được văn bản đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người tố

cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí và xét thấy đề nghị bảo vệ là có căn cứ, có tính xác thực hoặc trong quá trình giải quyết tố cáo thấy có căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này thì kịp thời quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ.

Thanh tra Bộ Công an có trách nhiệm tham mưu Bộ trưởng Bộ Công an chỉ đạo Phó Giám đốc - Phó Bí thư Đảng ủy Công an cấp tỉnh hoặc đơn vị, cá nhân khác có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ trong trường hợp người bị tố cáo là Giám đốc Công an cấp tỉnh.

Điều 8. Trình tự, thủ tục bảo vệ

1. Trình tự, thủ tục bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương VI Luật Tố cáo.

2. Trường hợp người có thẩm quyền giải quyết tố cáo đã ra kết luận nội dung tố cáo hoặc quyết định đình chỉ việc giải quyết tố cáo thì phải thông báo ngay cho cơ quan Công an cấp có thẩm quyền để quyết định chấm dứt áp dụng biện pháp bảo vệ. Quyết định chấm dứt áp dụng biện pháp bảo vệ được gửi cho người được bảo vệ, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

3. Sau thời gian người có thẩm quyền giải quyết tố cáo ra kết luận nội dung tố cáo hoặc quyết định đình chỉ việc giải quyết tố cáo, cơ quan Công an cấp có thẩm quyền quyết định chấm dứt áp dụng biện pháp bảo vệ, nếu người có thẩm quyền giải quyết tố cáo tiếp tục nhận được văn bản đề nghị của người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí và xét thấy có căn cứ, có tính xác thực xác định tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ tiếp tục bị xâm hại hoặc đe dọa xâm hại thì chuyển văn bản đến cơ quan Công an có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật và thông báo bằng văn bản cho người tố cáo biết.

Điều 9. Hồ sơ áp dụng biện pháp bảo vệ

Hồ sơ áp dụng biện pháp bảo vệ thực hiện theo quy định tại Điều 55 Luật Tố cáo và quy định về công tác lưu trữ tài liệu hình thành phổ biến trong Công an nhân dân (nhóm hồ sơ về phòng, chống tham nhũng).

Điều 10. Biện pháp bảo vệ

Căn cứ tình hình thực tế, cơ quan Công an cấp có thẩm quyền có thể áp dụng một hoặc một số biện pháp để bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ theo quy định tại Điều 58 Luật Tố cáo.

Điều 11. Kinh phí đảm bảo áp dụng biện pháp bảo vệ

Kinh phí áp dụng biện pháp bảo vệ được bảo đảm từ ngân sách Nhà nước. Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm lập dự toán kinh phí áp dụng biện pháp bảo vệ tổng hợp chung vào dự toán ngân sách chi an ninh hằng năm và gửi

về Bộ Công an (qua Cục Kế hoạch và tài chính) để tổng hợp gửi Bộ Tài chính theo quy định.

Điều 12. Hiệu lực, điều khoản chuyển tiếp, trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15... tháng 02 năm 2021.

2. Các quy định dẫn chiếu trong Thông tư này khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì nội dung dẫn chiếu cũng được điều chỉnh và thực hiện theo quy định đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

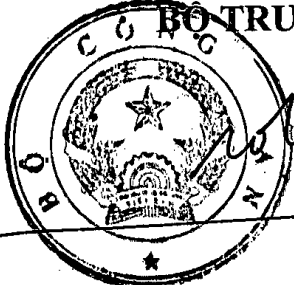
3. Thủ trưởng Công an các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

4. Giao Thanh tra Bộ Công an chủ trì, theo dõi, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo việc thực hiện Thông tư; Thủ trưởng Công an đơn vị trực thuộc Bộ giao đơn vị tham mưu, tổng hợp của đơn vị, Thủ trưởng Công an địa phương giao Thanh tra Công an địa phương chủ trì, theo dõi, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo việc thực hiện Thông tư. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương; cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Công an (qua Thanh tra Bộ Công an) để tập hợp, báo cáo lãnh đạo Bộ xem xét, giải quyết. *tb*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị-xã hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật; Cổng thông tin điện tử Bộ Công an;
- Bộ Công an: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, Công an các đơn vị, địa phương;
- Lưu: VT, V03, X05(P7).

TRƯỞNG



Đại tướng Tô Lâm